

Số: *14* /NQ-HĐND

*Ninh Thuận, ngày 23 tháng 3 năm 2020*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**  
**KHÓA X KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/7/2017 của Chính phủ Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND tỉnh ngày 17/07/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời gian gửi báo cáo và biểu mẫu báo cáo kế hoạch tài chính 5 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm địa phương; kế hoạch tài chính – ngân sách 3 năm địa phương, dự toán phân bổ ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương; thời hạn phê chuẩn và gửi báo cáo quyết toán ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 về phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2018;

Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 10/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1: Điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2018**

1. Điều chỉnh số liệu quyết toán ngân sách địa phương năm 2018:

- Tăng thu bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh: 21.104 triệu đồng;

- Tăng thu vay ngân sách: 42.221 triệu đồng;
- Giảm chi chuyển nguồn ngân sách: 25.287 triệu đồng

*Chi tiết: đính kèm phụ lục 1.*

## 2. Số liệu quyết toán ngân sách địa phương năm 2018 sau khi điều chỉnh

### a) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2018: 2.976.519 triệu đồng (Hai ngàn, chín trăm bảy mươi sáu tỷ, năm trăm mười chín triệu đồng); trong đó:

- Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước: 2.446.315 triệu đồng.
- Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu: 496.888 triệu đồng.
- Thu viện trợ: 455 triệu đồng.
- Các khoản huy động đóng góp: 8.885 triệu đồng.
- Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách: 23.976 triệu đồng.

### b) Thu ngân sách địa phương:

Tổng thu ngân sách địa phương (không kể thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách) năm 2018: 8.232.765 triệu đồng (Tám ngàn, hai trăm ba mươi hai tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng); trong đó:

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 2.201.199 triệu đồng;
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 4.107.323 triệu đồng;
- Thu từ kết dư năm trước: 458.837 triệu đồng;
- Thu chuyển nguồn năm trước: 1.398.379 triệu đồng;
- Thu viện trợ: 455 triệu đồng;
- Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách: 23.976 triệu đồng;
- Thu vay ngân sách nhà nước (vay từ nguồn chính phủ vay cho vay lại): 42.596 triệu đồng;

### c) Chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2018 (đã loại trừ phần chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách): 7.722.622 triệu đồng (Bảy ngàn, bảy trăm hai mươi hai tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu đồng) trong đó:

- Chi cân đối ngân sách địa phương: 5.094.084 triệu đồng;
- + Chi đầu tư phát triển: 1.909.567 triệu đồng;
- + Chi thường xuyên: 3.183.496 triệu đồng;
- + Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng;
- + Chi trả lãi vay vốn vay lại của Chính phủ: 21 triệu đồng.
- Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia: 160.512 triệu đồng;
- Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách: 23.976 triệu

đồng;

- Chi chuyển nguồn sang 2019 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ: 2.333.838 triệu đồng;

- Chi hoàn trả ngân sách cấp trên: 17.211 triệu đồng;

- Chi trả nợ gốc (Ngân hàng phát triển): 93.000 triệu đồng

d) Kết dư ngân sách địa phương: 510.143 triệu đồng (Năm trăm mười tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu đồng), trong đó:

- Kết dư ngân sách cấp tỉnh: 379.405 triệu đồng;

- Kết dư ngân sách cấp huyện: 105.097 triệu đồng;

- Kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn: 25.641 triệu đồng.

*Chi tiết: đính kèm phụ lục 2.*

3. Xử lý kết dư ngân sách tỉnh:

a) Đối với số tiền 290.793 triệu đồng: thực hiện theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh.

b) Đối với số tiền 88.611 triệu đồng, cụ thể:

- Bố trí số tiền 850 triệu đồng cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thực hiện mua xe ô tô chuyên dùng chiếu phim lưu động phục vụ Nhân dân.

- Bố trí số tiền 20.000 triệu đồng cho Sở Y tế thực hiện công tác hoạt động, phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

- Bố trí số tiền 30.000 triệu đồng cho Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện trang bị sách, thiết bị dạy học phục vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

- Bố trí số tiền 37.000 triệu đồng thực hiện công tác chống hạn đang diễn ra năm 2020. UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ chi tiết cho các đơn vị sử dụng, báo cáo, trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất trước khi phân bổ chi tiết để triển khai thực hiện.

- Đối với số tiền 761 triệu đồng (kinh phí CTMTQG nông thôn mới 515 triệu đồng và khoản tiếp tục theo dõi để xử lý 246.741.436 đồng. Giao UBND tỉnh tiếp tục theo dõi theo quy định, khi phát sinh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất trước khi phân bổ chi tiết để triển khai thực hiện.

*Chi tiết: đính kèm phụ lục 3.*

4. Đối với vốn nước ngoài số tiền 34.449 triệu đồng (kinh phí thường xuyên vốn nước ngoài ODA là 12.098 triệu đồng và vốn CTMT nước ngoài là 22.351 triệu đồng) thực hiện các dự án theo hình thức ghi thu, ghi chi còn thừa, đã được HĐND tỉnh thống nhất thông qua tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 về phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2018. HĐND tỉnh thống nhất sử dụng khoản kinh phí này để chi đầu tư XDCB, giao UBND tỉnh báo cáo, trình HĐND tỉnh xem xét, phân bổ chi tiết để làm cơ sở triển khai thực hiện theo quy định.

5. Các nội dung không được điều chỉnh tại nghị quyết này thì vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2018.

## **Điều 2: Tổ chức thực hiện**

### **1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:**

- Đối với dự toán chi đầu tư vốn ngân sách tỉnh năm 2018 bị hủy tại Kho bạc nhà nước, số tiền 10.766.974.363 đồng, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành và địa phương liên quan làm rõ nguyên nhân không giải ngân được, bị hủy dự toán; đồng thời xác định trách nhiệm của các cơ quan liên quan; báo cáo Thường trực HĐND tỉnh kết quả xử lý cụ thể trong quý II/2020.

- Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa X Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 20 tháng 3 năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu-UBTVQH;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các Sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, HĐND, UBND;
- TT. HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- Trang tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Thanh**



**PHỤ LỤC 1**

**ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN NĂM 2018**

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND tỉnh ngày 23/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Tổng số	Tỉnh	Huyện	Xã
<b>Chi tiết điều chỉnh</b>				
<b>I. Thu bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên</b>				
1. Số đã quyết toán	3.131.850.429.815	2.471.015.263.394	522.729.760.150	138.105.406.271
2. Số đề nghị điều chỉnh	21.104.015.517	21.104.015.517		
3. Số quyết toán sau khi điều chỉnh	3.152.954.445.332	2.492.119.278.911	522.729.760.150	138.105.406.271
<b>II. Thu vay ngân sách (vay lại chính phủ)</b>				
1. Số đã quyết toán	374.849.949	374.849.949	0	0
2. Số đề nghị điều chỉnh	42.220.651.940	42.220.651.940		
3. Số quyết toán sau khi điều chỉnh	42.595.501.889	42.595.501.889		
<b>III. Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>				
1. Số đã quyết toán	2.359.125.532.506	2.205.350.034.522	144.362.122.465	9.413.375.519
2. Số đề nghị điều chỉnh	-25.287.046.979	-25.287.046.979		
3. Số quyết toán sau khi điều chỉnh	2.333.838.485.527	2.180.062.987.543	144.362.122.465	9.413.375.519
<b>Tổng điều chỉnh</b>				
<b>A. Tổng số thu ngân sách địa phương</b>				
1. Số đã quyết toán	10.265.654.793.421	7.410.555.935.012	2.444.837.000.608	410.261.857.801
2. Số đề nghị điều chỉnh (I+II)	63.324.667.457	63.324.667.457	0	0
3. Số quyết toán sau khi điều chỉnh	10.328.979.460.878	7.473.880.602.469	2.444.837.000.608	410.261.857.801
<b>B. Tổng số chi ngân sách địa phương</b>				
1. Số đã quyết toán	9.844.123.545.926	7.119.762.550.154	2.339.740.007.706	384.620.988.066
2. Số đề nghị điều chỉnh (III+IV)	-25.287.046.979	-25.287.046.979	0	0
3. Số quyết toán sau khi điều chỉnh	9.818.836.498.947	7.094.475.503.175	2.339.740.007.706	384.620.988.066
<b>C. Kết dư ngân sách năm quyết toán (A-B)</b>				
1. Số đã quyết toán	421.531.247.495	290.793.384.858	105.096.992.902	25.640.869.735
2. Số đề nghị điều chỉnh	88.611.714.436	88.611.714.436	0	0
3. Số quyết toán sau khi điều chỉnh	510.142.961.931	379.405.099.294	105.096.992.902	25.640.869.735



**PHỤ LỤC 2**

**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018**

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND tỉnh ngày 23/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Đồng

S T T	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh
				Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP (không kể thu chuyển giao các cấp ngân sách)</b>	<b>5.332.802.000.000</b>	<b>8.232.764.797.479</b>	
I	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>1.733.060.000.000</b>	<b>2.201.198.528.502</b>	
-	Thu NSDP hưởng 100%	373.760.000.000	762.919.930.296	204%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.359.300.000.000	1.438.278.598.206	106%
II	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>3.325.187.000.000</b>	<b>4.107.323.278.911</b>	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	1.615.204.000.000	1.615.204.000.000	100%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.709.983.000.000	2.492.119.278.911	146%
III	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>		-	
IV	<b>Thu kết dư</b>		<b>458.836.947.874</b>	
V	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>29.555.000.000</b>	<b>1.398.379.814.540</b>	
VI	<b>Thu viện trợ</b>		<b>454.800.000</b>	
VII	<b>Thu quản lý quan ngân sách</b>	<b>245.000.000.000</b>	<b>23.975.925.763</b>	
VIII	<b>Thu vay của ngân sách tỉnh (vay lại của Chính phủ)</b>		<b>42.595.501.889</b>	
B	<b>TỔNG CHI NSDP (đã loại trừ chi chuyển giao các cấp ngân sách)</b>	<b>5.275.802.000.000</b>	<b>7.722.621.835.548</b>	
I	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>4.552.717.000.000</b>	<b>5.094.084.521.174</b>	<b>112%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	1.699.278.000.000	1.909.567.420.756	112%
2	Chi thường xuyên	2.783.786.000.000	3.183.495.720.418	114%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100.000.000	21.380.000	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000.000.000	1.000.000.000	100%
5	Dự phòng ngân sách	67.553.000.000		
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		-	
II	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>478.085.000.000</b>	<b>160.511.813.850</b>	<b>34%</b>
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	112.520.000.000	160.511.813.850	143%

	Nguồn đầu tư	75.518.000.000	95.652.970.042	
	Nguồn sự nghiệp	37.002.000.000	64.858.843.808	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	365.565.000.000		
<b>III</b>	<b>Chi quản lý qua ngân sách</b>	<b>245.000.000.000</b>	<b>23.975.925.763</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>		<b>2.333.838.485.527</b>	
<b>V</b>	<b>Chi hoàn trả ngân sách cấp trên</b>		<b>17.211.089.234</b>	
<b>VI</b>	<b>Chi trả nợ gốc</b>		<b>93.000.000.000</b>	
<b>C</b>	<b>KẾT DƯ NSDP</b>		<b>510.142.961.931</b>	
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP</b>		<b>93.000.000.000</b>	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh		93.000.000.000	
<b>E</b>	<b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP</b>		<b>43.182.610.000</b>	
I	Vay để bù đắp bội chi			
II	Vay để trả nợ gốc		43.182.610.000	
<b>G</b>	<b>TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP</b>		<b>129.182.610.000</b>	



**PHỤ LỤC 3**

**XỬ LÝ KẾT DƯ NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2018  
SAU KHI ĐIỀU CHỈNH QUYẾT TOÁN**

(Kèm theo Nghị quyết số 14 /NQ-HĐND tỉnh ngày 23/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Chênh lệch kết dư ngân sách sau khi điều chỉnh quyết toán	Ghi chú
<b>Phần I. Kết dư ngân sách cấp tỉnh năm 2018</b>	<b>88.611.714.436</b>	
<b>1. Nguồn dự toán ngân sách tỉnh phân bổ còn lại sau ngày 31/01/2019</b>	<b>77.844.740.073</b>	
- Nguồn kinh phí thường xuyên ngân sách tỉnh	76.479.740.073	
- Nguồn thường xuyên ngân sách Trung ương đã phân bổ chưa nhập tabmis	1.365.000.000	
+ Kinh phí mua xe của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	850.000.000	
+ Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã giao cho Sở Khoa học và Công nghệ	515.000.000	
<b>2. Kế hoạch vốn ĐTXDCB nguồn ngân sách tỉnh năm 2018 chưa thanh toán hủy bỏ tại Kho bạc nhà nước</b>	<b>10.766.974.363</b>	
<b>Phần II. Xử lý kết dư ngân sách năm 2018</b>	<b>88.611.741.436</b>	
<b>1. Chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020 để thực hiện nhiệm vụ</b>	<b>87.850.000.000</b>	
- Kinh phí mua tô tô chuyên dùng chiếu phim lưu động phục vụ nhân dân (Sở Văn hóa – Thể thao và du lịch)	850.000.000	
- Kinh phí chống dịch COVID-19 (Sở Y tế)	20.000.000.000	
- Kinh phí trang bị sách giáo khoa dạy học phục vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông (Sở Giáo dục và Đào tạo)	30.000.000.000	
- Kinh phí chống hạn năm 2020	37.000.000.000	UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ chi tiết cho các đơn vị sử dụng, báo cáo, trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất trước khi phân bổ chi tiết để triển khai thực hiện



2. Theo dõi, tiếp tục xử lý năm 2020	761.741.436	
Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	515.000.000	Giao UBND tỉnh tiếp tục theo dõi, theo quy định, khi phát sinh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất trước khi phân bổ chi tiết để triển khai thực hiện
Theo dõi tiếp tục xử lý các nhiệm vụ trong năm 2020	246.741.436	